

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **776**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **04** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 57/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, NV, TC, KH&ĐT;
- Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy;
- Đài PT&TH Đắk Nông, Báo Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(VN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

ĐỀ ÁN

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 776 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Phần I

TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của tỉnh trong những năm qua đã có sự phát triển và đạt được những kết quả nhất định. Mạng lưới trường lớp được mở rộng, phân bố rộng khắp, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được kiên cố hóa, đồng bộ hơn; trang thiết bị cơ bản đáp ứng được công tác giảng dạy và học tập. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, với những giải pháp hiệu quả phù hợp để phát triển giáo dục, tạo động lực phát triển kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, cũng còn một số khó khăn khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhất là thiếu giáo viên ở các cấp học, vì vậy đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và nâng cao về chất lượng là hết sức cấp thiết, nhằm vừa đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của học sinh, vừa phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường lớp của ngành giáo dục, vừa đảm bảo thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, trong đó ưu tiên bảo đảm số lượng giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Anh, Tin học bắt đầu từ năm học 2022-2023 theo đúng định mức.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

nb

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”;

- Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Quyết định số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Công văn số 1108/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường phổ thông công lập nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2019-2021;

- Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Căn cứ thực tiễn

Trong những năm qua, tỉnh đã dành nhiều nguồn lực để xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được nâng cao. Đội ngũ đã đáp ứng

được yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Hiện nay, số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Đắk Nông nói chung và số lượng giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng anh, Tin học đang thiếu nhiều so với định mức, chưa đáp ứng được việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn những hạn chế, bất cập: Cơ cấu đội ngũ giáo viên còn chưa đồng bộ; tỷ lệ giáo viên tiểu học chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 (trình độ trung cấp, cao đẳng) chiếm 21,13%; giáo viên trung học cơ sở chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 (trình độ cao đẳng) chiếm 18,8%; năng lực đổi mới phương pháp dạy học của một số giáo viên còn yếu, cơ hội tiếp cận thông tin của giáo viên vùng khó khăn còn hạn chế, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đồng đều giữa các địa bàn, giữa các trường.

Để đáp ứng được việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đáp ứng quy mô gia tăng số học sinh do tăng dân số của tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới cần thiết phải có kế hoạch bổ sung số lượng người làm việc để tuyển dụng giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, đồng thời gắn liền với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để đáp ứng được yêu cầu.

Phần II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CẤP HỌC TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

I. THỰC TRẠNG VỀ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM HỌC 2020-2021

1. Đối với cấp tiểu học công lập

a) Về số trường, lớp, học sinh năm học 2020-2021

- Tổng số trường: Có 120 trường tiểu học, ngoài ra còn có 14 trường tiểu học và trung học cơ sở (TH&THCS) dạy học sinh tiểu học.

- Tổng số lớp là 2.348 lớp; tổng số học sinh là 71.287 học sinh. Trong đó, có 574 lớp học 01 buổi/ngày với số học sinh học 01 buổi/ngày là 19.163 học sinh; có 1.774 lớp học 02 buổi/ngày với số học sinh học 02 buổi/ngày là 52.124 học sinh.

b) Về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng 68*)

- Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng 68 được cấp thẩm quyền giao năm học 2020-2021 là: 4.191 người, trong đó:

nh

- + Số lượng người làm việc: 4.051 người;
- + Hợp đồng 68: 140 người.
- Số viên chức hiện có là: 3.967 người, trong đó:
 - + Viên chức quản lý: 282 người;
 - + Giáo viên tiểu học: 3.349 người (3.229 giáo viên; 120 phụ trách đội);
 - + Nhân viên: 336 người.
- Số Hợp đồng 68 hiện có là: 144 người.

2. Đối với cấp học trung học cơ sở (THCS) công lập

a) Về số trường, lớp, học sinh năm học 2020-2021

- Tổng số trường: 77 trường, trong đó:
 - + Trường THCS: 63 trường;
 - + Trường TH&THCS: 14 trường;
- Tổng số lớp là 1.169 lớp; tổng số học sinh là 45.196 học sinh.

b) Về số lượng người làm việc và hợp đồng 68

- Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng 68 được cấp thẩm quyền giao năm học 2020-2021 là: 2.792 người, trong đó:
 - + Số lượng người làm việc: 2.716 người;
 - + Hợp đồng 68: 76 người.
 - Số viên chức hiện có là: 2.664 người, trong đó:
 - + Viên chức quản lý: 160 người;
 - + Giáo viên trung học cơ sở: 2.270 người (2202 giáo viên; 68 phụ trách đội);
 - + Nhân viên: 234 người;
 - Số Hợp đồng 68 hiện có là: 77 người.

3. Đối với cấp học trung học phổ thông (THPT) công lập

a) Về số trường, lớp, học sinh năm học 2020-2021

- Tổng số trường: Có 31 trường và 02 trung tâm trực thuộc (Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ, Tin học và Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập), trong đó:

- + Trường THPT: 23 trường;
- + Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT): 08 trường;

- Tổng số lớp: 570 lớp với 21.824 học sinh, trong đó có 20.970 học sinh THPT, có 37 học sinh khuyết tật học hòa nhập và 817 học sinh THCS (đối với Trường PTDTNT).

b) Về số lượng người làm việc và hợp đồng 68

- Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng 68 được cấp thẩm quyền giao năm học 2020-2021 là: 1.677 người, trong đó:

- + Số lượng người làm việc: 1.593 người;
- + Hợp đồng 68: 84 người.
- Số viên chức hiện có là: 1.538 người, trong đó:
 - + Viên chức quản lý: 107 người;
 - + Giáo viên trung học phổ thông: 1.268 người;
 - + Nhân viên: 163 người;
- Số Hợp đồng 68 hiện có là: 83 người.

(Chi tiết phụ lục I, II, III kèm theo)

II. THỰC TRẠNG VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

1. Cấp Tiểu học

Về trình độ đào tạo, trong số 282 cán bộ quản lý, có 02 người trình độ Thạc sĩ, 278 người trình độ Đại học, 01 người trình độ Cao đẳng và 01 người trình độ Trung cấp; trong số 3.349 giáo viên, có 01 người trình độ Thạc sĩ, 2.587 người trình độ Đại học, 409 người trình độ Cao đẳng và 352 người trình độ Trung cấp.

2. Cấp Trung học cơ sở

Về trình độ đào tạo, trong số 160 cán bộ quản lý, có 05 người trình độ Thạc sĩ, 152 người trình độ Đại học, 03 người trình độ Cao đẳng; trong số 2.270 giáo viên, có 10 người trình độ Thạc sĩ, 1.824 người trình độ Đại học, 436 người trình độ Cao đẳng.

3. Cấp Trung học phổ thông

Về trình độ đào tạo, trong số 107 cán bộ quản lý, có 02 người trình độ Tiến sĩ, có 41 người trình độ Thạc sĩ, 64 người trình độ Đại học; trong số 1.268 giáo viên, có 120 người trình độ Thạc sĩ, 1.148 người trình độ Đại học.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Đội ngũ giáo viên các cấp học cơ bản được bố trí đáp ứng yêu cầu dạy học, có trình độ, có trách nhiệm cao trong giảng dạy, có năng lực đáp ứng việc giảng dạy trong các nhà trường, có tâm huyết và tận tụy với công việc.

- Tỷ lệ giáo viên có thâm niên tay nghề chiếm phần lớn, có nhiều kinh nghiệm, là lực lượng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương. Số lượng giáo viên tham gia đào tạo để nâng chuẩn tăng theo từng năm.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên luôn được tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện của ngành giáo dục, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên đi học, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

nh

- Đội ngũ giáo viên luôn có những tìm tòi, đúc rút kinh nghiệm trong thực hiện đổi mới sáng tạo trong dạy và học; học tập, tiếp thu các phương pháp dạy học mới, các phương pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, qua đó nâng cao dần năng lực phát triển nghề nghiệp.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Hiện nay, số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của tỉnh đang thiếu nhiều so với định mức, nhất là trong những năm học tới khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, yêu cầu đòi hỏi tăng thêm giáo viên, trong đó có giáo viên Ngoại ngữ, Tin học ở cấp Tiểu học. Việc thiếu giáo viên làm ảnh hưởng đến việc phân công giảng dạy, hoạt động giáo dục, bố trí công tác và sắp xếp cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định.

- Còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở một số môn học, xảy ra ở một số trường, một số địa phương.

- Cơ cấu đội ngũ giáo viên còn chưa đồng bộ giữa các môn học; còn một bộ phận giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019; năng lực đổi mới phương pháp dạy học của một bộ phận giáo viên chưa tốt, cơ hội tiếp cận thông tin của giáo viên vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn. Khả năng ngoại ngữ, tin học một số giáo viên cũng còn hạn chế, do đó ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều giữa vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi và vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc sinh sống.

b) Nguyên nhân

- Số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập được cấp có thẩm quyền giao hằng năm chưa bảo đảm theo định mức quy định.

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố còn chưa chủ động tham mưu thực hiện điều chuyển giáo viên ở các trường thừa cục bộ giáo viên ở một số môn học đến các trường còn thiếu giáo viên; trong công tác tuyển dụng giáo viên, còn chưa dự báo kịp thời xu hướng đảm bảo số lượng giáo viên môn Tiếng anh, Tin học ở cấp tiểu học.

- Công tác tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa các trường ở vùng thuận lợi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa được chú trọng.

Phần III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019;

nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp; thực hiện tốt nội dung chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, góp phần đảm bảo lực lượng để thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Giáo dục tiểu học:

+ Trong năm học 2021-2022, có khoảng 73.920 học sinh, với 2.429 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 4.454 người, tăng thêm 403 người so với năm học 2020-2021 (được giao 4.051 người).

+ Đến năm học 2025-2026, dự kiến có khoảng 79.705 học sinh, với 2.572 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 4.840 người, tăng thêm 789 người so với năm học 2020-2021 (được giao 4.051 người).

+ Đến năm 2025, đảm bảo chỉ tiêu 50% số giáo viên tiểu học chưa đạt chuẩn đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

- Giáo dục THCS:

+ Trong năm học 2021-2022, có khoảng 47.570 học sinh, với 1.318 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 2.936 người, tăng thêm 220 người so với năm học 2020-2021 (được giao 2.716 người).

+ Đến năm học 2025-2026, dự kiến có khoảng 54.494 học sinh, với 1.362 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 3.201 người, tăng thêm 485 người so với năm học 2020-2021 (được giao 2.716 người).

+ Đến năm 2025, bảo đảm chỉ tiêu 60% số giáo viên THCS chưa đạt chuẩn đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

- Giáo dục THPT:

+ Trong năm học 2021-2022, có khoảng 23.513 học sinh, với 593 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 1.671 người, tăng thêm 78 người so với năm học 2020-2021 (được giao 1.593 người).

+ Đến năm học 2025-2026, dự kiến có khoảng 25.384 học sinh, với 628 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 1.756 người, tăng thêm 163 người so với năm học 2020-2021 (được giao 1.593 người).

b) Đến năm 2030

- Giáo dục tiểu học:

+ Đến năm học 2030-2031, dự kiến có khoảng 86.533 học sinh, với 2.759 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 5.117 người, tăng thêm 1.066 người so với năm học 2020-2021 (được giao 4.051 người).

+ Đảm bảo chỉ tiêu 100% số giáo viên tiểu học chưa đạt chuẩn hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

- Giáo dục THCS:

+ Đến năm học 2030-2031, dự kiến có khoảng 60.722 học sinh, với 1.513 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 3.471 người, tăng thêm 755 người so với năm học 2020-2021 (được giao 2.716 người).

+ Đảm bảo chỉ tiêu 100% số giáo viên THCS chưa đạt chuẩn hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

- Giáo dục THPT:

Đến năm học 2030-2031, dự kiến có khoảng 27.546 học sinh, với 683 lớp. Số lượng người làm việc đề xuất giao 1.881 người, tăng thêm 288 người so với năm học 2020-2021 (được giao 1.593 người).

(Chi tiết theo phụ lục IV, V, VI, VII, VIII, IX, X kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan truyền thông tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, về thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh, nhằm thông tin đến đội ngũ giáo viên tự giác thực hiện có kết quả lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh, vai trò nòng cốt của ngành giáo dục và đào tạo, trách nhiệm của các ngành chức năng trong việc đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định đối với mỗi cấp học, bảo đảm thực hiện đúng phương châm “*Có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp*”.

Thực hiện đa dạng, phong phú, linh hoạt các hình thức tuyên truyền phù hợp với đối tượng và thời điểm; kết hợp tốt giữa việc tuyên truyền của các phương tiện thông tin đại chúng với tuyên truyền thông qua các hội nghị, hội thảo.

2. Đảm bảo số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập ở các lĩnh vực khác nhau trong toàn tỉnh theo Chương trình số 30-CTr/TU ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, để có thêm biên chế bổ sung cho ngành giáo

dục để tuyển dụng đủ số lượng giáo viên theo định mức, nhằm đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát số lượng người làm việc chưa sử dụng và trên cơ sở phân bổ số lượng người làm việc cho các cơ sở giáo dục trong tổng số lượng người làm việc được giao hằng năm, tiếp tục tuyển dụng giáo viên các cấp học, đủ theo cơ cấu từng môn học, trong đó ưu tiên tuyển dụng giáo viên môn Tiếng anh, Tin học ở cấp tiểu học (*trường hợp nguồn dự tuyển thiếu so với chỉ tiêu tuyển dụng, thì tiến hành ký hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế*) khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhằm bảo đảm không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên khi thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Đảm bảo có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp.

- Xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu giáo viên sau khi sắp xếp, sáp nhập trường lớp theo lộ trình từng năm tại Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường phổ thông công lập nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2019-2021, để sử dụng, bố trí đội ngũ giáo viên một cách hợp lý.

- Trên cơ sở tổng số lượng người làm việc được giao hằng năm của cấp có thẩm quyền, các địa phương tiến hành rà soát số lượng người làm việc hiện có ở cấp tiểu học và THCS, để có kế hoạch đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm môn Tiếng anh, Tin học theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; tuyển dụng đối với những người đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học sau khi đã tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học văn bằng 2 sư phạm về chuyên ngành Tiếng anh, Tin học để bố trí dạy môn Tiếng anh, Tin học ở cấp tiểu học và THCS.

3. Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện có hiệu quả lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, THCS theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS.

- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên THCS theo hướng dạy các môn học tích hợp theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục cử giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



Handwritten signature or mark.

- Đa dạng hóa hình thức đào tạo: Đào tạo trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước; đào tạo trực tiếp, trực tuyến qua mạng (e-learning); khuyến khích giáo viên và cán bộ quản lý tăng cường tự bồi dưỡng, tham gia hội thảo chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường.

- Khuyến khích giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo tự tham gia đào tạo và tự túc kinh phí đào tạo để nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019, nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội, khuyến khích các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở trường tư thục ở tất cả các cấp học với các thủ tục ưu tiên có nhiều ưu đãi, nhằm làm giảm áp lực cho hệ thống trường công lập, nhất là giải quyết được vấn đề quy mô học sinh ngày càng tăng nhưng đặt trong bối cảnh thực hiện lộ trình tinh giản biên chế.

- Tăng cường xúc tiến, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước về đầu tư giáo dục tại tỉnh Đắk Nông, góp phần phát triển giáo dục tại địa phương, đồng thời, tạo động lực để nâng cao chất lượng giáo dục và góp phần trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Rà soát các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao, có đầy đủ cơ sở vật chất, có đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng và đồng đều về chất lượng, tiến hành thực hiện cơ chế tự chủ về kinh phí và nhân sự để chủ động về biên chế.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ báo cáo

- Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp, phân công công tác đội ngũ nhà giáo; công tác tham mưu quy hoạch, rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục; xử lý nghiêm cơ sở giáo dục vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà giáo.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về thống kê, công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên: Theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí cho giáo viên tham gia học tập nâng trình độ chuẩn theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được dự toán theo kế hoạch hằng năm.

- Kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình

giáo dục phổ thông 2018: Thực hiện theo Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Đề án, có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan; hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các giải pháp của Đề án để đảm bảo hiệu quả.

- Tổ chức quán triệt nội dung Đề án đến các cơ sở giáo dục phổ thông, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để có nhận thức đầy đủ và tham gia thực hiện Đề án đạt chất lượng.

- Hằng năm, chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát thực trạng thừa, thiếu giáo viên ở từng cấp học, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao bổ sung số lượng người làm việc để đảm bảo số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thực hiện mục tiêu Đề án.

- Hằng năm chủ trì và phối hợp với các Sở có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, THCS.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông để giúp giáo viên nắm bắt và triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

- Xây dựng kế hoạch về đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để đáp ứng nhu cầu học sinh tăng thêm đối với các đơn vị trực thuộc.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án; đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Hằng năm, chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát số lượng người làm việc được giao, số lượng người làm việc chưa sử dụng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ ưu tiên biên chế, giao bổ sung số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để tuyển dụng đủ số giáo viên theo định mức giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm đáp ứng quy mô gia tăng số học sinh trong những năm tới và đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh số lượng người làm việc giữa các cấp học của từng huyện, thành phố, để vừa bảo đảm bố trí hợp lý số lượng người làm việc đáp ứng yêu cầu dạy và học từng năm học, vừa khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở từng huyện, thành phố.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện các nội dung tại Đề án theo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là đầu tư mở trường tư thục ở tất cả các cấp học.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng thêm các phòng học, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để đáp ứng nhu cầu học sinh tăng thêm.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước (nguồn vốn sự nghiệp) để thực hiện đạt hiệu quả các nội dung của đề án.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hằng năm, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc rà soát thực trạng thừa, thiếu giáo viên ở cấp Tiểu học và THCS giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu giáo viên sau khi sắp xếp, sáp nhập trường lớp để sử dụng, bố trí đội ngũ giáo viên một cách hợp lý.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thực hiện mục tiêu Đề án.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch về đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để đáp ứng nhu cầu học sinh tăng thêm đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Hằng năm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, THCS.

- Chỉ đạo việc dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.



Handwritten signature or initials in blue ink.

- Rà soát các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao, có đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng và đồng đều về chất lượng, tiến hành thực hiện tự chủ về tài chính và nhân sự để chủ động về biên chế, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trong thời gian tới.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan cử giáo viên đi học nâng trình độ chuẩn theo mục tiêu Đề án; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học, THCS bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; khuyến khích giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo, sớm tham gia đào tạo và tự túc kinh phí đào tạo để nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc đôn đốc thực hiện Đề án; đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định./.

nk

Phụ lục I
THỰC TRẠNG QUY MÔ HỌC SINH, LỚP HỌC VÀ BIÊN CHẾ HIỆN CÓ
CẤP TIỂU HỌC CÔNG LẬP NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021													Số biên chế sự nghiệp được giao năm học 2020-2021		Biên chế và HD hiện có				Hợp đồng ND 68 và 161						
	Trong đó		Tổng số lớp	Trong đó		Lớp 1					Lớp 2			Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5			Biên chế	HD 68	Biên chế (số lượng người làm việc)			
	Số HS học 01 buổi/ngày	Số HS học 02 buổi/ngày		Số lớp học 01 buổi/ngày	Số lớp học 02 buổi/ngày	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp				Số học sinh	Tổng số	CBQL	Giáo viên
	Tổng số học sinh	Số HS học 01 buổi/ngày	Số HS học 02 buổi/ngày	Số lớp học 01 buổi/ngày	Số lớp học 02 buổi/ngày	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
TỔNG CỘNG	71.287	19.163	52.124	2.348	574	1.774	15.619	508	14.626	482	15.788	511	13.518	450	11.736	397	4.051	140	3.967	282	3.229	120	336	144		
Huyện Cư Jút	9.470	2.216	7.254	320	66	254	2.106	71	1.908	66	2.125	71	1.757	59	1.574	53	602	21	592	43	470	19	60	21		
Huyện Đắk Giông	9.700	5.858	3.842	299	182	117	2.455	75	1.999	61	1.982	61	1.737	78	1.505	46	418	13	414	31	355	11	17	13		
Huyện Đắk Mil	11.461	444	11.017	365	21	344	2.401	77	2.347	75	2.556	80	2.223	71	1.934	62	676	18	647	45	536	17	49	22		
Huyện Đắk R'Lấp	8.905	566	8.339	320	21	299	1.845	67	1.831	65	2.028	69	1.729	61	1.472	58	577	24	573	34	469	18	52	24		
Huyện Đắk Song	8.874	3.757	5.117	299	123	176	1.869	61	1.771	60	1.986	66	1.708	59	1.540	53	497	19	487	36	402	14	35	19		
Thành phố Gia Nghĩa	7.222	0	7.222	216	0	216	1.508	43	1.511	45	1.677	51	1.449	44	1.077	33	369	15	363	26	283	10	44	15		
Huyện Krông Nô	8.385	659	7.726	290	23	267	1.840	62	1.722	61	1.831	62	1.572	55	1.420	48	557	17	536	38	428	18	52	17		
Huyện Tuy Đức	7.270	5.663	1.607	239	138	101	1.595	52	1.537	49	1.603	51	1.321	45	1.214	42	355	13	355	29	286	13	27	13		

nk

Phụ lục II
THỰC TRẠNG QUỸ MÔ HỌC SINH, LỚP HỌC VÀ BIÊN CHẾ HIỆN CÓ
CẤP THCS CÔNG LẬP NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số: **776** /QĐ-UBND ngày **04/6/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021										Số biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao năm học 2020-2021		Biên chế và HD hiện có					Hợp đồng ND 68 và 161 (Bảo vệ, tạp vụ, cấp dưỡng)
	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9				Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)		
			Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó	CBQL				Giáo viên	Phụ trách đội	
TỔNG CỘNG	45.196	1.169	12.699	318	11.791	299	11.048	292	9.658	260	2.716	76	2.664	160	2.202	68	234	77
Huyện Cư Jút	6.008	161	1.683	43	1.501	40	1.498	40	1.326	38	438	10	428	22	359	8	39	10
Huyện Đắk Glông	5.174	133	1.600	40	1.330	34	1.299	34	945	25	255	9	252	18	207	10	17	9
Huyện Đắk Mil	7.521	202	1.995	52	1.927	51	1.809	49	1.790	50	480	12	470	25	398	12	35	12
Huyện Đắk R'Lấp	6.891	179	1.845	47	1.833	46	1.729	46	1.484	40	407	11	397	20	333	12	32	13
Huyện Đắk Song	5.965	148	1.699	40	1.532	38	1.461	37	1.273	33	320	9	309	20	254	7	28	9
Thành phố Gia Nghĩa	4.841	113	1.378	31	1.303	30	1.160	29	1.000	23	228	7	223	15	185	2	21	7
Huyện Krông Nô	5.294	145	1.538	42	1.407	37	1.221	34	1.128	32	353	11	350	24	273	11	42	11
Huyện Tuy Đức	3.502	88	961	23	958	23	871	23	712	19	235	7	235	16	193	6	20	6

Handwritten signature



Phụ lục III

THỰC TRẠNG QUỸ MÔ HỌC SINH, LỚP HỌC VÀ BIÊN CHẾ HIỆN CÓ

CẤP THPT CÔNG LẬP NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số: **776/QĐ-UBND** ngày **6/6/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021												Số biên chế sự nghiệp được giao năm học 2020-2021	HD 68	Tổng số	Biên chế và HD hiện có			Hợp đồng ND 68		
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11					Lớp 12		Biên chế (số lượng người làm việc)		Trong đó	Nhân viên
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp				Số học sinh	Số lớp				
	TỔNG CỘNG	21.824	570	209	7	209	7	198	7	201	7	7.963	197	6.694	172	6.313	166	1.593	84	1.538	107	1.268	163	83
1	THPT Không Nô	1.419	36									523	13	465	12	431	11	90	1	90	4	79	7	1
2	THPT Hùng Vương	370	10									167	4	99	3	104	3	29	1	28	3	21	4	1
3	THPT Trần Phú	478	13									174	5	157	4	147	4	38	1	38	3	31	4	1
4	PTDTNT THCS & THPT Không Nô	198	7	29	1	30	1	30	1	30	1	29	1	26	1	24	1	26	6	23	3	16	4	6
5	THPT Quang Trung	712	18									281	7	237	6	194	5	48	1	47	3	39	5	1
6	THPT Nguyễn Du	977	23									395	9	299	7	283	7	57	1	55	3	47	5	1
7	PTDTNT THCS & THPT Đắk Mil	209	7	30	1	30	1	30	1	29	1	30	1	29	1	31	1	26	6	26	3	18	5	6
8	THPT Phan Đình Phùng	524	13									236	6	168	4	120	3	37	1	37	3	29	5	1
9	THPT Lương Thế Vinh	407	11									146	4	141	4	120	3	31	1	30	3	23	4	1
10	THPT Chu Văn An	1.050	25									333	8	345	8	372	9	66	1	66	4	56	6	1
11	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	858	26									310	9	299	9	249	8	89	3	74	4	62	8	3

Handwritten mark

TT	TÊN TRƯỜNG	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021											Số biên chế sự nghiệp được giao năm học 2020-2021			Biên chế và HD hiện có												
		Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10				Lớp 11		Lớp 12		Biên chế	HD 68	Tổng số	Trong đó			Hợp đồng NĐ 68		
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp				CBQL	Giáo viên	Nhân viên			
12	THPT DTNT N'Trang Long	433	15																									
13	THPT Lê Duẩn	484	13																									
14	PTDTNT THCS& THPT Đắk Glong	207	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	29	1	28	1	26	6	25	3	3	17	5	6	
15	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	891	22																									
16	THPT Trường Chinh	986	22																									
17	THPT Nguyễn Đình Chiểu	840	19																									
18	THPT Lê Quý Đôn	722	17																									
19	PTDTNT THCS& THPT Tuy Đức	188	7	30	1	32	1	26	1	24	1	29	1	24	1	22	1	23	1	26	6	24	2	2	17	5	4	
20	Trường PTDTNT THCS& THPT Cư Jút	203	7	30	1	29	1	29	1	30	1	30	1	29	1	29	1	26	1	27	6	27	3	3	19	5	6	
21	Trường PTDTNT THCS& THPT Đắk Song	206	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	26	1	26	6	22	2	2	15	5	6	
22	Trường THPT Đắk Glong	559	13																									
23	Trường THPT Gia Nghĩa	973	23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	58	1	58	4	50	4	1	
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1.092	31	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	432	10	318	10	342	1	79	1	79	4	71	4	1

nb

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021												Số biên chế sự nghiệp được giao năm học 2020-2021		Biên chế và HD hiện có				Hợp đồng ND 68	
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Biên chế (số lượng người làm việc)	Tổng số	Trong đó			
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp			CBQL	Giáo viên		Nhân viên
				Biên chế	HD 68																		
25	Trường THPT Đắk Mil	1.166	27						419	10	391	9	356	8	71	1	71	4	62	5	1		
26	Trường THPT Phan Chu Trinh	1.183	31						438	11	374	10	371	10	80	1	80	4	71	5	4		
27	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	721	19	0	0	0	0	0	267	7	227	6	227	6	50	1	50	3	43	4	1		
28	Trường THPT Phạm Văn Đồng	1.227	29						489	12	395	9	343	8	76	1	74	3	66	5	1		
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1.202	29						417	10	414	10	371	9	75	1	75	4	66	5	1		
30	Trường THPT Đắk Song	967	23						378	9	314	7	275	7	60	1	58	4	50	4	1		
31	Trường PTDTNT THCS& THPT Đắk R'Lấp	189	7	30	1	28	1	23	1	28	1	26	1	26	1	27	6	26	3	18	5	5	
32	Trung tâm GDTX Ngoại ngữ, Tin học tỉnh	146	6						57	2	30	2	59	2	25	1	25	3	19	3	1		
33	Trung tâm Hồ trợ phát triển GDHN tỉnh	37	7												20	2	19	2	9	8	2		

Ghi chú: Trung tâm Hồ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh nhận học sinh khuyết tật học hòa nhập./.

N

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG

HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIỂU HỌC CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2025-2026 (học 2 buổi/ngày)					Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2025-2026										
			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)			Hợp đồng ND 68 và 161	
			Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Trong đó	CBQL	Giáo viên		Phụ trách đội
TỔNG CỘNG	79.705	2.572	16.972	551	16.185	526	16.247	518	15.540	497	14.761	481	4.840	325	3.881	125	509	181
Huyện Cư Jut	9.656	329	2.034	70	2.007	67	1.934	66	1.862	64	1.819	62	634	46	499	18	71	23
Huyện Đắk Glông	11.461	342	2.719	81	2.383	72	2.287	67	2.083	62	1.989	60	606	33	505	12	56	14
Huyện Đắk Mil	12.212	375	2.451	73	2.446	77	2.565	77	2.433	75	2.317	73	706	47	563	19	77	47
Huyện Đắk R'lấp	9.510	332	1.928	67	1.885	66	1.940	67	1.883	65	1.874	67	644	45	506	18	75	25
Huyện Đắk Song	9.574	309	2.091	67	1.868	61	1.913	62	1.893	60	1.809	59	582	40	464	14	64	21
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA	9.667	284	1.875	57	1.949	56	1.976	56	2.089	61	1.778	55	525	34	427	12	52	16
Huyện Krông Nô	9.186	323	1.993	70	1.876	68	1.783	63	1.752	62	1.782	60	622	45	497	19	61	20
Huyện Tuy Đức	8.439	278	1.881	66	1.771	59	1.849	60	1.545	48	1.393	45	522	35	421	13	53	15

RL

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH SỞ TRƯỞNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG
HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIỂU HỌC CÔNG LẬP NĂM HỌC 2030-2031**

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố		Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2030-2031 (học 2 buổi/ngày)															Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2030-2031					Hợp đồng ND 68 và 161
				Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số	CBQL	Trong đó								
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp			Phụ trách đội	Nhân viên							
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Giáo viên	Phụ trách đội	Nhân viên						
TỈNH CỘNG		86.533	2.759	18.335	587	17.721	568	17.530	555	16.906	533	16.041	515	5.117	328	4.146	125	518	180					
Huyện Cư Jút		9.691	329	2.009	69	2.015	69	1.928	65	1.893	64	1.846	62	635	46	500	18	71	23					
Huyện Đắk Glông		13.191	388	3.094	92	2.835	83	2.643	78	2.417	69	2.202	66	670	33	569	12	56	14					
Huyện Đắk M'Đi		12.207	381	2.423	76	2.432	78	2.486	77	2.454	75	2.412	75	718	48	572	19	79	47					
Huyện Đắk R'Đúp		9.851	337	1.984	69	1.963	67	2.006	68	1.951	66	1.947	67	652	45	514	18	75	24					
Huyện Đắk Song		10.074	318	2.168	68	2.025	65	1.983	63	1.960	61	1.938	61	597	41	477	14	65	21					
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA		12.084	356	2.343	71	2.437	70	2.470	70	2.611	76	2.223	68	631	34	533	12	52	16					
Huyện Krông Nô		9.709	341	2.149	75	1.975	70	1.888	66	1.843	66	1.854	64	645	46	517	19	63	20					
Huyện Tuy Đức		9.726	309	2.165	67	2.039	66	2.126	68	1.777	56	1.619	52	569	35	464	13	57	15					

OK

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG

HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THCS CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: **776/QĐ-UBND** ngày **04/6/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố	Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2025-2026														Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2025-2026						
	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)				Hợp đồng ND 68 và 161					
			Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		CBQL	Giáo viên	Phụ trách đội	Nhân viên						
	Tổng cộng																				
Huyện Cư Jút	6.966	175	1.831	46	1.827	46	1.734	42	1.574	41	425	21	347	9	48	10					
Huyện Đắk Glong	8.293	195	2.346	55	2.127	50	2.111	49	1.709	41	416	24	337	9	46	11					
Huyện Đắk Mil	8.058	212	2.098	56	2.038	52	2.005	53	1.917	51	504	29	403	12	60	24					
Huyện: Đắk R'Lấp	7.445	192	1.957	50	1.888	49	1.847	47	1.753	46	475	30	365	13	67	12					
Huyện Đắk Song	6.956	171	1.845	46	1.771	44	1.715	41	1.625	40	397	22	325	8	42	14					
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA	6.251	149	1.367	33	1.749	41	1.659	39	1.477	36	337	18	282	8	29	8					
Huyện Krông Nô	6.592	170	1.765	46	1.693	44	1.645	41	1.489	39	407	25	314	11	57	11					
Huyện Tuy Đức	3.933	98	1.101	27	1.051	25	980	25	801	21	240	15	186	6	33	6					

Handwritten signature

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG
HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THCS CÔNG LẬP NĂM HỌC 2030-2031
(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Huyện/thành phố	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2030- 2031												Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2030-2031						Hợp đồng NB 68 và 161
			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Biên chế (số lượng người làm việc)										
			Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Tổng số	CBQL	Giáo viên	Phụ trách đội	Nhân viên						
TỔNG CỘNG	60.722	1.513	15.835	395	15.645	389	14.923	370	14.318	358	3.471	188	2.822	76	385	94					
Huyện Cư Jut	7.432	183	1.939	49	1.900	47	1.867	44	1.726	43	432	22	353	9	48	9					
Huyện Đắk Glong	10.471	245	2.993	71	2.660	62	2.417	57	2.401	55	495	24	415	9	47	11					
Huyện Đắk Mil	8.195	218	2.126	57	2.073	55	2.004	53	1.992	53	515	29	414	12	60	24					
Huyện: Đắk Riáp	8.042	208	2.103	54	2.002	52	1.969	51	1.968	51	508	31	397	13	67	12					
Huyện Đắk Song	7.546	186	1.968	48	1.924	47	1.862	46	1.792	45	426	23	351	8	44	14					
Thành phố Gia Nghĩa	7.814	186	1.708	41	2.186	51	2.073	49	1.846	44	408	18	353	8	29	8					
Huyện Krông Nô	6.697	176	1.732	45	1.691	45	1.603	42	1.671	44	421	26	327	11	57	10					
Huyện Tuy Đức	4.525	111	1.266	30	1.209	30	1.128	28	922	23	265	15	211	6	33	6					

Phụ lục VIII
KẾ HOẠCH SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG
HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THPT CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2025-2026

Kế hoạch số lượng người làm việc
của năm học 2025-2026

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Số học sinh												Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)			Hợp đồng ND 68				
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11			Lớp 12		CBQL		Trong đó			
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Số học sinh	Số lớp			Giáo viên	Nhân viên		
TỔNG CỘNG		25.384	628	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	210	1	83				
1	THPT Krông Nô	1.590	36																					
2	THPT Hùng Vương	675	15																					
3	THPT Trần Phú	730	17																					
4	PTDTNT THCS&THPT Krông Nô	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6
5	THPT Quang Trung	850	21																					
6	THPT Nguyễn Du	1.260	28																					
7	PTDTNT THCS&THPT Đắk Mil	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6
8	THPT Phan Đình Phùng	655	15																					
9	THPT Lương Thế Vinh	600	15																					
10	THPT Chu Văn An	1.110	27																					
11	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	980	28																					
12	THPT DTNT N'Trang Long	450	15																					
13	THPT Lê Duẩn	860	19																					
14	PTDTNT THCS&THPT Đắk Giông	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6

Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2025-2026

Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2025-2026

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp												Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)			Hợp đồng ND 68		
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11			Lớp 12		CBQL		Trong đó	
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Số học sinh	Số lớp			Giáo viên	Nhân viên
15	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	960	24							360	9	320	8	280	7	63	3	54	6	1		
16	THPT Trường Chinh	1.173	26							450	10	387	8	336	8	67	3	58	6	1		
17	THPT Nguyễn Đình Chiểu	945	21							360	8	315	7	270	6	56	3	47	6	1		
18	THPT Lê Quý Đôn	800	20							320	8	240	6	240	6	54	3	45	6	2		
19	PTDTNT THCS&THPT Tuy Đức	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
20	Trường PTDTNT THCS&THPT Cư Jút	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
21	Trường PTDTNT THCS&THPT Đắk Song	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
22	Trường THPT Đắk Glong	675	16							250	6	215	5	210	5	44	3	36	5	2		
23	Trường THPT Gia Nghĩa	1.215	27							450	10	405	9	360	8	68	3	61	4	1		
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1.200	30	0	0	0	0	0	0	400	10	400	10	400	10	76	3	68	5	1		
25	Trường THPT Đắk Mũi	1.340	30							445	10	445	10	450	10	76	3	68	5	1		
26	Trường THPT Phan Chu Trinh	1.216	32							456	12	380	10	380	10	81	3	72	6	1		
27	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	755	19							280	7	245	6	230	6	52	3	43	6	1		
28	Trường THPT Phạm Văn Đồng	1.350	30							500	11	450	10	400	9	76	3	68	5	1		
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1.200	30							400	10	400	10	400	10	76	3	68	5	1		
30	Trường THPT Đắk Song	1.080	24							360	8	360	8	360	8	62	3	54	5	1		
31	Trường PTDTNT THCS&THPT Đắk R Lấp	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
32	TTGDTX tỉnh- Ngoại ngữ - Tin học	205	6							60	2	65	2	80	2	20	3	14	3	1		
33	Trung tâm Hồ trợ phát triển GDHN	40	8													26	3	12	11	2		

Handwritten signature



Phụ lục IX

KẾ HOẠCH SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG

HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THPT CÔNG LẬP NĂM HỌC 2030-2031

(Kèm theo Quyết định số: 776/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2030-2031

Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2030-2031

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp												Biên chế (số lượng người làm việc)			Hợp đồng ND 68											
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số		Trong đó										
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp			CBQL	Giáo viên	Nhân viên								
TỔNG CỘNG		27.546	683	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	210	7	9.576	231	8.780	213	8.310	203	1.881	99	1.562	220	84		
1	THPT Krông Nô	1.590	36															530	12	530	12	530	12	90	3	81	6	1		
2	THPT Hùng Vương	810	18															270	6	270	6	270	6	48	3	40	5	1		
3	THPT Trần Phú	850	20															300	7	300	7	250	6	53	3	45	5	1		
4	PTĐTNTHCS&THPT Krông Nô	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	370	9	320	8	300	7	63	3	54	6	1		
5	THPT Quang Trung	990	24															500	11	450	10	400	9	76	3	67	6	1		
6	THPT Nguyễn Du	1.350	30															270	6	260	6	250	6	49	3	41	5	1		
7	PTĐTNTHCS&THPT Đắk Mil	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	200	5	200	5	200	5	42	3	34	5	1		
8	THPT Phan Đình Phùng	780	18															370	9	370	9	370	9	70	3	61	6	1		
9	THPT Lương Thế Vinh	600	15															350	10	350	10	350	10	109	3	93	13	3		
10	THPT Chu Văn An	1.110	27															150	5	150	5	150	5	50	3	36	11	11		
11	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	1.050	30															360	8	315	7	315	7	57	3	49	5	2		
12	THPT DTNT N'Trang Long	450	15															30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
13	THPT Lê Duẩn	990	22																											
14	PTĐTNTHCS&THPT Đắk Glong	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1													



Dự kiến Số lớp, số học sinh năm học 2030-2031

Kế hoạch số lượng người làm việc của năm học 2030-2031

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Lớp												Tổng số	Biên chế (số lượng người làm việc)			Hợp đồng ND 68		
				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11			Lớp 12		CBQ L		Trong đó	
				Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Giáo viên	Nhân viên				
15	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	1.140	28							450	11	365	9	325	8	72	3	63	6	1		
16	THPT Trương Chính	1.255	28							495	11	400	9	360	8	72	3	63	6	1		
17	THPT Nguyễn Đình Chiểu	1.080	24							405	9	360	8	315	7	63	3	54	6	1		
18	THPT Lê Quý Đôn	990	22							450	10	270	6	270	6	59	3	50	6	2		
19	PTDINT THCS&THPT Tuy Đức	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
20	Trường PTDINT THCS&THPT Cư Jút	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
21	Trường PTDINT THCS&THPT Đắk Song	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
22	Trường THPT Đắk Glong	800	19							290	7	260	6	250	6	50	3	42	5	2		
23	Trường THPT Gia Nghĩa	1.485	33							540	12	495	11	450	10	81	3	74	4	1		
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1.260	36	0	0	0	0	0	0	420	12	420	12	420	12	89	3	81	5	1		
25	Trường THPT Đắk Mũi	1.520	34							540	12	540	12	440	10	85	3	77	5	1		
26	Trường THPT Phan Châu Trinh	1.216	32							456	12	380	10	380	10	81	3	72	6	1		
27	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	870	22							320	8	280	7	270	7	59	3	50	6	1		
28	Trường THPT Phạm Văn Đồng	1.350	30							500	11	450	10	400	9	76	3	68	5	1		
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1.200	30							400	10	400	10	400	10	76	3	68	5	1		
30	Trường THPT Đắk Song	1.200	27							400	9	400	9	400	9	69	3	61	5	1		
31	Trường PTDINT THCS&THPT Đắk R'Lấp	210	7	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30	1	28	3	16	9	6		
32	TTGDTX tỉnh- Ngoại ngữ - Tin học	100	6							30	2	35	2	35	2	20	3	14	3	1		
33	Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN	40	8													26	3	12	11	2		

Handwritten mark/signature

*** Phụ lục X**

CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: **776/QĐ-UBND** ngày **04/6/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Sản phẩm dự kiến
1	Tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ GD&ĐT về thực trạng trường, lớp, học sinh, số lượng người làm việc và nhu cầu bổ sung số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	Hàng năm	Không	Báo cáo
2	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện, thành phố	Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện theo kế hoạch hàng năm	Kế hoạch
3	Xây dựng kế hoạch về đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để đáp ứng nhu cầu học sinh tăng thêm đối với các đơn vị trực thuộc	Sở GD&ĐT	Các Sở, ngành có liên quan	Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện theo kế hoạch hàng năm	Kế hoạch
4	Báo cáo về Sở GD&ĐT thực trạng thừa, thiếu giáo viên ở cấp Tiểu học và THCS giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030	UBND huyện, thành phố		Hàng năm	Không	Báo cáo

(Chữ ký)



TT	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Sản phẩm dự kiến
5	Xây dựng kế hoạch về đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để đáp ứng nhu cầu học sinh tăng thêm đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý	UBND huyện, thành phố	Các Sở, ngành có liên quan	Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện theo kế hoạch hằng năm	Kế hoạch
6	Xây dựng Kế hoạch về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện, thành phố	UBND huyện, thành phố	Đơn vị có liên quan	Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện theo kế hoạch hằng năm	Kế hoạch
7	Xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu giáo viên sau khi sắp xếp, sáp nhập trường lớp để sử dụng, bố trí đội ngũ giáo viên một cách hợp lý	UBND huyện, thành phố	Đơn vị có liên quan	Hàng năm	Không	Kế hoạch

Handwritten signature or mark.